

1. NHẬN DIỆN

Tên Sản Phẩm	Clean Quick® Chlorinated Sanitizer & Cleaner - Concentrate
(Các) Mã Sản Phẩm	1-55
Định danh sản phẩm	98668776_PROF_NG
Product Type:	Thành phẩm - Chuyên nghiệp.
Công Dụng Đề Nghị	Chất vệ sinh (Không khí dung).
Các giới hạn sử dụng	Chỉ sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn.
Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu	Procter & Gamble Professional 1 P&G Plaza Cincinnati, Ohio 45202 Procter & Gamble Inc. P.O. Box 355, Station A Toronto, ON M5W 1C5 1-800-332-7787
Địa Chỉ Email	pgsds.im@pg.com
Số Điện Thoại Khẩn Cấp	Transportation (24 HR) CHEMTREC - 1-800-424-9300 (U.S./ Canada) or 1-703-527-3887 Mexico toll free in country: 800-681-9531

2. NHẬN DIỆN HIỂM HỌA

Sản phẩm này được phân loại theo 29CFR 1910.1200 (d) và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada như sau:.

Nhã³m nguy há³i
Ăn mòn/kích ứng da
Tổn Thương Mắt
Từ Cảnh Báo

Nhóm 2
Nhóm 1
NGUY HIỂM

Tiêu ngữ hiểm họa

Gây kích ứng da
Gây tổn thương mắt nghiêm trọng

Các hình đồ hiểm họa



Tiêu Ngữ Đề Phòng

Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác
Sử dụng khi có thông gió.
Đeo kính mắt/kính che mặt bảo hộ

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó	NEU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ KHI NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG gây nôn Uống 1 hoặc 2 ly nước KHI HÍT PHẢI: Đưa ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở KHI BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng thật nhiều nước. Nếu bị kích ứng da: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc
Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thái Bò	Không có

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần được liệt kê theo 29CFR 1910.1200 Phụ lục D và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada

Tên Hóa Chất	Từ đồng nghĩa	Bí mật thương mại	Số CAS	% trọng lượng
1,3,5-Triazine-2,4,6(1H,3H,5H)-trione, 1,3-dichloro-, sodium salt, hydrate (1:1:2)	1,3,5-Triazine-2,4,6(1H,3H,5H)-trione, 1,3-dichloro-, sodium salt, hydrate (1:1:2)	Có	51580-86-0	3 - 7

Thông tin thêm: Nồng độ thực tế được giữ lại làm bí mật thương mại theo HPR của Canada

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau

Tiếp xúc với mắt	Rửa bằng thật nhiều nước. Gọi bác sĩ ngay.
Tiếp xúc với da	Rửa bằng thật nhiều nước. Tìm bác sĩ chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.
Ăn phải	Uống 1 hoặc 2 ly nước. KHÔNG gây nôn. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay nếu triệu chứng xuất hiện.
Hít phải	KHI HÍT PHẢI: Đưa ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chất độc ngay.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

F. Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần

Bác Sĩ Cần Lưu Ý Điều trị triệu chứng.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất chữa cháy phù hợp	Hóa chất khô, CO2, bọt chịu alcol hoặc nước xịt.
Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp	Không có.
Hiểm Họa Đặc Biệt	Chưa được biết.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Như trong mọi trường hợp cháy, phải sử dụng thiết bị thở độc lập cấp áp theo yêu cầu, có MSHA/NIOSH (phê chuẩn hoặc tương đương) và đầy đủ phụ tùng bảo hộ.

Hiểm họa đặc biệt phát sinh từ hóa chất Không có.

6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Các biện pháp đề phòng cá nhân Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Không để dính vào mắt, da, hoặc quần áo.

Hướng dẫn cho nhân viên ứng cứu khẩn cấp Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu.

Các cảnh báo về môi trường Không nên để phát tán ra môi trường

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Phương pháp ngăn chặn Ngăn ngừa bụi. Ngăn ngừa tiếp tục rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn.

Các phương pháp làm sạch Quét gom rồi xúc vào thùng đựng thích hợp để thải bỏ. Thải bỏ theo quy định của địa phương.

7. THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Hướng dẫn thao tác an toàn Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Đóng kín dụng cụ đựng khi không sử dụng. Không bao giờ cho chất đã tràn đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Giữ xa tầm tay của trẻ em.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Các Điều Kiện Bảo Quản Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi khô, mát, thông khí tốt.

Sản phẩm không tương thích Chưa được biết.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông số quản lý

Hướng Dẫn Về Tiếp Xúc Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.

Quản lý phơi nhiễm

Biện Pháp Kỹ Thuật **Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:**
Bảo đảm thông khí đầy đủ

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Nếu hợp lý có thể thực hiện được điều này bằng cách sử dụng thông gió hút cục bộ và hệ thống hút gió tổng tốt

Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Bảo Vệ Mắt **Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:**
Cần Bảo Vệ Mắt

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):

Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ)

Nếu có khả năng xảy ra văng bắn, mặc:

Kính bảo hộ an toàn kín khít

Bảo Vệ Tay

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:

Găng tay bảo hộ

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):

Găng tay bảo hộ

Bảo Vệ Da và Cơ Thể

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:

Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):

Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:

Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):

Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp

9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng thái vật lý	Rắn	
Ngoại quan	trắng bột	
Mùi	Clo	
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin	
Tính chất	Giá trị	Nhận Xét
pH	8.3	(là dung dịch 1%)
Điểm chảy / điểm đông	Không có thông tin	
Điểm sôi / vùng nhiệt độ sôi	Không có thông tin	
Điểm chớp cháy	Không có thông tin	
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin	
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có thông tin	
Các Giới Hạn Khả Năng Cháy trong Không Khí		
Giới hạn cháy hoặc nổ trên	Không có thông tin	
Giới hạn cháy hoặc nổ dưới	Không có thông tin	
Áp suất hơi	Không có thông tin	
Tỷ trọng hơi	Không có thông tin	
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin	
Độ tan trong nước	100%	
Hệ số phân tách	Không có thông tin	
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin	
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin	
Độ nhớt	Không có thông tin	
Tính chất oxy hóa	Các chất này sẽ gia tăng cường độ cháy khi cho vào lửa.	
Hàm lượng Chất Hữu Cơ Bay Hơi (%)	Sản phẩm tuân thủ các quy định của tiểu bang và liên bang Hoa Kỳ về nội dung VOC trong các sản phẩm tiêu dùng.	

10. ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

Độ bền Bền trong các điều kiện thông thường.

Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các Phản Ứng Nguy Hiểm	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các điều kiện cần Tránh	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các vật liệu không tương thích	Không có gì đặc biệt.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông Tin Về Sản Phẩm

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể gặp

Hít phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da.
Ăn phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với mắt	Nguy cơ gây tổn thương nặng cho mắt.

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng lâu dài do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Độc tính cấp tính	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Ăn mòn/kích ứng da	Gây kích ứng da.
Tổn thương nặng/kích ứng mạnh cho mắt	Nguy cơ gây tổn thương nặng cho mắt.
Gây mẫn cảm da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Thần Kinh	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính sinh sản	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính tăng trưởng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây dị tật cho thai nhi	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc một lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Cơ Quan Đích	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Hiểm họa hít phải qua miệng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây ung thư	Chưa có tác dụng nào được biết đến.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Nguy hiểm cho Môi Trường Nước.

Độ bền vững và độ phân hủy	Không có thông tin.
Tiềm năng tích tụ sinh học	Không có thông tin.
Khả năng di chuyển	Không có thông tin.
Các tác động có hại khác	Không có thông tin.

13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp xử lý chất thải

Chất Thải của Phần Dư/Sản Phẩm Chưa Sử Dụng	Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.
---	---

Bao bì đã bị nhiễm Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.

Mã chất thải nguy hại California (thiết lập phi hộ gia đình) 331

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

DOT Không được quy định
Chất ô nhiễm biển Chất ô nhiễm biển.
Các Ngoại Lệ Về Đóng Gói 155
Đóng gói số lượng lớn 240
Đóng Gói Số Lượng Không Lớn 213

IMDG
Số UN UN3077
Tên vận chuyển chuẩn UN Chất nguy hiểm cho môi trường, rắn, nếu không có chỉ định nào khác
Mô tả UN3077, Chất độc hại với môi trường, rắn, n.o.s. (Troclosene sodium, dihydrate), 9, III
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại 9
Nhóm Đóng Gói III
EmS-No. F-A, S-F

IATA
Số UN UN3077
Tên vận chuyển chuẩn UN Chất nguy hiểm cho môi trường, rắn, nếu không có chỉ định nào khác
Mô tả UN3077, Chất độc hại với môi trường, rắn, n.o.s. (Troclosene sodium, dihydrate), 9, III
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại 9
Nhóm Đóng Gói III
Mã ERG 9L

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

CÁC QUY ĐỊNH CỦA LIÊN BANG HOA KỲ

CERCLA

Vật liệu này, như khi được cung cấp, không chứa chất nào được quy định là chất nguy hiểm theo Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường - Comprehensive Environmental Response Compensation and Liability Act (CERCLA) (40 CFR 302) hoặc Đạo Luật Sửa Đổi và Tái Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát Tán Chất Độc Quốc Gia Superfund (SARA) (40 CFR 355). Có thể có các yêu cầu báo cáo riêng của cấp địa phương, khu vực, hoặc tiểu bang về việc phóng thích vật liệu này.

Đạo luật về Không khí Sạch, Phần 112 Chất gây ô nhiễm Không khí Nguy hại (HAP) (xem 40 CFR 61)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm không khí nguy hại (HAPS) theo Mục 112 của Sửa Đổi Đạo luật về Không khí Sạch năm 1990.

Đạo Luật Bảo Vệ Nước

Sản phẩm này không chứa chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm theo đạo Luật Bảo Vệ Nước (Clean Water Act - 40 CFR 122.21 và CFR 122.42).

Đề Nghị số 65 của California

Sản phẩm này không phải ghi nhãn cảnh báo theo Dự luật 65 của California.

Quy định của Nhà nước Hoa Kỳ (RTK)

Tên Hóa Chất	Số CAS	Massachusetts
Sulfuric acid sodium salt (1:2)	7757-82-6	X
Triphosphoric acid, sodium salt (1:5)	7758-29-4	X
1,3,5-Triazine-2,4,6(1H,3H,5H)-trione, 1,3-dichloro-, sodium salt, hydrate (1:1:2)	51580-86-0	X

Tên Hóa Chất	Số CAS	Pennsylvania
Sulfuric acid sodium salt (1:2)	7757-82-6	X
Triphosphoric acid, sodium salt (1:5)	7758-29-4	X
1,3,5-Triazine-2,4,6(1H,3H,5H)-trione, 1,3-dichloro-, sodium salt, hydrate (1:1:2)	51580-86-0	X

Các Danh Mục Quốc Tế

HOA KỲ

Tất cả các thành phần được thêm vào có chủ ý của (các) sản phẩm này được liệt kê trên TSCA Inventory của Hoa Kỳ

Canada

Sản phẩm này tuân thủ Đạo luật bảo vệ môi trường Canada để nhập khẩu bởi P&G

Chú giải

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

CEPA - Đạo Luật Bảo Vệ Môi Trường của Canada

FIFRA

Hóa chất này là một sản phẩm thuốc trừ sâu được đăng ký bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và phải tuân theo một số yêu cầu ghi nhãn theo luật thuốc trừ sâu liên bang. Các yêu cầu này khác với các tiêu chí phân loại và thông tin nguy hại được yêu cầu trong Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), và trong việc ghi nhãn ở nơi làm việc cho các hóa chất không phải thuốc trừ sâu. Thông tin nguy hại phải có trên nhãn thuốc trừ sâu được ghi lại dưới đây. Nhãn thuốc trừ sâu cũng bao gồm các thông tin quan trọng khác, như hướng dẫn sử dụng.

Số đăng ký EPA: 1275-27-3573

NGUY HIỂM

Ăn mòn

gây tổn thương mắt không hồi phục

Gây kích ứng da

Có hại khi nuốt phải

CÓ HẠI KHI HẤP THỤ QUA DA

16. THÔNG TIN KHÁC

Xếp hạng theo HMIS (Hệ Thống Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm)	—
Hiểm họa cho sức khỏe	3
Khả Năng Cháy	0
Hiểm họa vật lý	0

Hiểm họa cho sức khỏe	3
Khả Năng Cháy	0
Tính không bền	0

Ngày Ban Hành: 16-Thg1-2015

Ngày sửa đổi 03-Thg3-2020

Tuyên bố miễn trách.

Thông tin cung cấp trong Bản Thông tin an toàn này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phóng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này

chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này

Kết thúc phiếu an toàn hóa chất